

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

| | | |
|----------------------------|--------------------|---------------------------|
| Giấy phép Đầu tư số | 414/GP | ngày 7 tháng 9 năm 1992 |
| | 414/GPĐC | ngày 14 tháng 2 năm 1995 |
| | 414/GPĐC1 | ngày 31 tháng 10 năm 1995 |
| | 414/GPĐC2 | ngày 9 tháng 1 năm 1996 |
| | 414/GPĐC3 | ngày 30 tháng 7 năm 1997 |
| | 414/GPĐC4 | ngày 19 tháng 9 năm 1997 |
| | 414/CPH/GP | ngày 7 tháng 10 năm 2005 |
| | 414/CPH/GCNĐC1-BKH | ngày 25 tháng 10 năm 2006 |

Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

| | |
|----------------------|---------------------------|
| 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN | ngày 16 tháng 5 năm 2003 |
| 414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN | ngày 23 tháng 6 năm 2003 |
| 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN | ngày 7 tháng 5 năm 2004 |
| 414/GCNĐC2/47/2 | ngày 6 tháng 9 năm 2007 |
| 472033000584 | ngày 11 tháng 7 năm 2008 |
| 472033000584 | ngày 18 tháng 12 năm 2008 |

Do Ban Quản lý Khu Công Nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày ghi trên
Giấy phép Đầu tư đầu tiên

| | | |
|--------------------------|---------------------|--------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Shen Shang Pang | Chủ tịch |
| | Ông Shen Shang Tao | Phó Chủ tịch |
| | Ông Shen Shang Hung | Thành viên |
| | Ông Shen San Yi | Thành viên |
| | Ông Wang Yen Huang | Thành viên |

| | | |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| Ban Giám đốc | Ông Wang Yen Huang | Tổng Giám đốc |
| | Ông Chiu Chin Teng | Phó Tổng Giám đốc |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
 Huyện Cẩm Giàng
 Tỉnh Hải Dương
 Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-152

Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|---|--------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 100 | | 315.193.564 | 415.870.231 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3 | 50.649.373 | 35.113.099 |
| Đầu tư ngắn hạn | 120 | 4 | 20.400.000 | 30.720.000 |
| Các khoản phải thu | 130 | 5 | 81.677.393 | 112.504.681 |
| Phải thu thương mại | 131 | | 82.085.909 | 138.547.183 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 340.242 | 196.394 |
| Phải thu khác | 135 | | 113.481 | 124.773 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 139 | | (862.239) | (26.363.669) |
| Hàng tồn kho | 140 | 6 | 160.601.185 | 236.423.197 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 169.408.089 | 368.868.202 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (8.806.904) | (132.445.005) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.865.613 | 1.109.254 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 555.842 | 441.888 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 656.861 | 342.124 |
| Thuế thu nhập nộp trước | 154 | | 651.410 | 271.818 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.500 | 53.424 |
| Tài sản dài hạn | 200 | | 223.051.437 | 244.735.391 |
| Tài sản cố định | 220 | | 216.364.997 | 230.846.852 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 216.351.467 | 229.395.251 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 421.890.148 | 418.204.817 |
| <i>Khấu hao lũy kế</i> | 223 | | (205.538.681) | (188.809.566) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 8 | 13.530 | 1.451.601 |
| Đầu tư dài hạn | 250 | | 42.400 | 42.400 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 42.400 | 42.400 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.644.040 | 13.846.139 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 9 | 4.302.859 | 4.497.198 |
| Tài sản thuế hoãn lại | 262 | 10 | 2.341.181 | 9.348.941 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 538.245.001 | 660.605.622 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa kỳ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|----------------------------------|--------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 348.833.003 | 462.050.307 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 331.467.629 | 441.272.770 |
| Vay ngắn hạn | 311 | 11 | 244.463.874 | 411.025.406 |
| Phải trả thương mại | 312 | 12 | 71.030.083 | 9.461.180 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | | 8.105.944 | 11.397.922 |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 314 | 13 | 4.332.396 | 3.883.420 |
| Phải trả công nhân viên | 315 | | 1.946.025 | 3.791.913 |
| Chi phí phải trả | 316 | | 1.399.079 | 1.690.855 |
| Phải trả khác | 319 | | 190.228 | 22.074 |
| Vay và nợ dài hạn | 330 | | 17.365.374 | 20.777.537 |
| Vay dài hạn | 334 | 14 | 15.509.794 | 17.316.024 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 336 | 16 | 1.855.580 | 3.461.513 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 189.411.998 | 198.555.315 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | 189.411.998 | 198.555.315 |
| Vốn cổ phần | 411 | 16 | 279.013.771 | 279.013.771 |
| Cổ phiếu ngân quỹ | 412 | 16 | (272.840) | (272.840) |
| Quỹ và dự trữ | 417 | 17 | 21.141.803 | 21.141.803 |
| Lỗi lũy kế | 420 | | (110.470.736) | (101.327.419) |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 538.245.001 | 660.605.622 |

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa kỳ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|---|--------------|--------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Tổng doanh thu | 01 | 18 | 327.699.195 | 698.210.643 |
| Các khoản giảm trừ | 02 | 18 | (178.049) | (1.617.408) |
| Doanh thu thuần | 10 | | 327.521.146 | 696.593.235 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | | (290.880.602) | (606.409.982) |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 36.640.544 | 90.183.253 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 11.941.228 | 5.906.395 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 20 | (34.840.860) | (39.481.412) |
| Chi phí bán hàng | 24 | | (8.143.700) | (10.259.039) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (9.698.540) | (12.642.215) |
| (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (4.101.328) | 33.706.982 |
| Kết quả của các hoạt động khác | 40 | | | |
| Thu nhập khác | 31 | | 1.966.203 | 3.911.660 |
| Chi phí khác | 32 | | (432) | (2.107) |
| (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế | 50 | | (2.135.557) | 37.616.535 |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 51 | 21 | - | (2.672.215) |
| (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | 52 | 21 | (7.007.760) | 880.011 |
| (Lỗ)/lợi nhuận thuần | 60 | | (9.143.317) | 35.824.331 |
| (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 22 | (0.328) | 1.284 |

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa kỳ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

| | Vốn cổ phần VNĐ'000 | Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000 | Quỹ và dự trữ VNĐ'000 | Lãi chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VNĐ'000 | Tổng VNĐ'000 |
|--|--------------------------------|--|--------------------------------------|---|-------------------------|
| Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008 | 265.735.481 | (272.840) | 19.881.760 | 21.215.725 | 306.560.126 |
| Lãi thuần trong kỳ | - | - | - | 35.824.331 | 35.824.331 |
| Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2008 | 265.735.481 | (272.840) | 19.881.760 | 57.040.056 | 342.384.457 |
| Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | 13.278.290 | - | - | (13.278.290) | - |
| Chuyển sang quỹ dự trữ | - | - | 1.260.043 | (1.260.043) | - |
| Lỗ thuần trong kỳ | - | - | - | (143.829.142) | (143.829.142) |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008 | 279.013.771 | (272.840) | 21.141.803 | (101.327.419) | 198.555.315 |
| Lỗ thuần trong kỳ | - | - | - | (9.143.317) | (9.143.317) |
| Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2009 | 279.013.771 | (272.840) | 21.141.803 | (110.470.736) | 189.411.998 |

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa kỳ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

| | Mã | Thuyết | 1/1/2009 to | 1/1/2008 to |
|---|-----------|---------------|----------------------|---------------------|
| | số | minh | 30/6/2009 | 30/6/2008 |
| | | | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế | 01 | | (2.135.557) | 37.616.535 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 17.582.301 | 20.665.979 |
| Dự phòng | 03 | | (149.139.531) | 1.547.637 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 04 | | (1.582.754) | 14.356.314 |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 10.165.073 | 13.041.664 |
| Thu lãi tiền gửi | 07 | | (1.808.058) | (1.637.074) |
| (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | (126.918.526) | 85.591.055 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | | 55.951.951 | 12.202.922 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 199.460.113 | 14.777.299 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác | 11 | | 55.202.778 | (2.211.340) |
| | | | 183.696.316 | 110.359.936 |
| Lãi vay đã trả | 13 | | (10.217.393) | (13.041.664) |
| Thuế thu nhập đã nộp | 14 | | (379.592) | - |
| Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 173.099.331 | 97.318.272 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.906.107) | (12.928.059) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 25 | | 10.320.000 | - |
| Thu lãi tiền gửi | 27 | | 1.808.058 | 1.637.074 |
| Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư | 30 | | 9.221.951 | (11.290.985) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa kỳ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
(tiếp theo)

| | Mã | Thuyết | 1/1/2009 to | 1/1/2008 to |
|---|-----------|---------------|----------------------|---------------------|
| | số | minh | 30/6/2009 | 30/6/2008 |
| | | | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Thu từ các khoản vay | 33 | | 213.563.046 | 552.488.748 |
| Hoàn trả các khoản vay | 34 | | (380.348.054) | (568.530.957) |
| Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính | 40 | | (166.785.008) | (16.042.209) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 15.536.274 | 69.985.078 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 35.113.099 | 38.983.489 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 3 | 50.649.373 | 108.968.567 |

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa kỳ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị lập báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 Công ty có 478 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 503 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tài sản và công nợ tiền tệ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá qui định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền khác VNĐ trong năm được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá qui định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| ▪ Nhà xưởng, vật kiến trúc | 7 – 35 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 5 – 8 năm |
| ▪ Tài sản khác | 2 – 7 năm |

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(i) Phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế này liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ theo thuế suất được ban hành hoặc cơ bản ban hành vào ngày lập bảng cân đối kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(l) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có sự không chắc chắn đáng kể liên quan khả năng thu hồi công nợ hoặc có khả năng hàng bán bị trả lại.

(m) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hay lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là bán cáp điện và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của công ty mẹ này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2009 | 31/12/2008 |
|----------------------------|------------------|-------------------|
| | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| Tiền mặt | 1.217.836 | 5.821.799 |
| Tiền gửi ngân hàng | 37.431.537 | 18.291.300 |
| Các khoản tương đương tiền | 12.000.000 | 11.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 50.649.373 | 35.113.099 |
| | <hr/> | <hr/> |

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 có số tiền khác VNĐ tương đương 1.157 triệu VNĐ (31/12/2008: 1.965 triệu VNĐ).

Lãi suất tiền gửi ngân hàng dao động từ 1,2% 2,4% một năm.

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản đặt cọc có kỳ hạn 3 tháng có lãi suất cố định dao động từ 6% đến 6,3% một năm.

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn chịu lãi suất năm 7% (2008: 13,5%).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 31/12/2008 VNĐ'000 |
|----------------------------|---|--|
| Số dư đầu kỳ/năm | 26.363.669 | 26.263.364 |
| Tăng dự phòng trong kỳ/năm | - | 211.275 |
| Hoàn nhập | (25.501.430) | (110.970) |
| | | |
| Số dư cuối kỳ/năm | 862.239 | 26.363.669 |

6. Hàng tồn kho

| | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 51.825.823 | 6.438.274 |
| Nguyên vật liệu | 25.333.389 | 126.036.057 |
| Sản phẩm dở dang | 25.585.501 | 126.118.100 |
| Thành phẩm | 66.663.376 | 110.275.771 |
| | | |
| | 169.408.089 | 368.868.202 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (8.806.904) | (132.445.005) |
| | | |
| | 160.601.185 | 236.423.197 |

Biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 31/12/2008 VNĐ'000 |
|----------------------------|---|--|
| Số dư đầu kỳ/năm | 132.445.005 | 6.197.298 |
| Tăng dự phòng trong kỳ/năm | - | 126.247.707 |
| Hoàn nhập | (123.638.101) | - |
| | | |
| Số dư cuối kỳ/năm | 8.806.904 | 132.445.005 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
(tiếp theo)**

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ'000 | Máy móc và thiết bị VNĐ'000 | Phương tiện vận chuyển VNĐ'000 | Thiết bị văn phòng VNĐ'000 | Tài sản khác VNĐ'000 | Tổng VNĐ'000 |
|---|---|--|---|---|-------------------------------------|-------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 143.874.585 | 257.658.186 | 8.184.475 | 2.720.213 | 5.767.358 | 418.204.817 |
| Tăng trong kỳ | - | 490.689 | - | 147.219 | 36.300 | 674.208 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 413.709 | 688.629 | - | - | 1.908.785 | 3.011.123 |
| Số dư cuối kỳ | 144.288.294 | 258.837.504 | 8.184.475 | 2.867.432 | 7.712.443 | 421.890.148 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 42.678.544 | 134.869.221 | 6.256.731 | 1.681.081 | 3.323.989 | 188.809.566 |
| Khấu hao trong kỳ | 3.701.824 | 11.899.377 | 511.158 | 153.908 | 462.848 | 16.729.115 |
| Số dư cuối kỳ | 46.380.368 | 146.768.598 | 6.767.889 | 1.834.989 | 3.786.837 | 205.538.681 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư cuối kỳ | 97.907.926 | 112.068.906 | 1.416.586 | 1.032.443 | 3.925.606 | 216.351.467 |
| Số dư đầu kỳ | 101.196.041 | 122.788.965 | 1.927.744 | 1.039.132 | 2.443.369 | 229.395.251 |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 68.215 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 (31/12/2008: 51.114 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 85.101 triệu VNĐ (31/12/2008: 109.617 triệu VNĐ) đã được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 31/12/2008 VNĐ'000 |
|--------------------------------------|---|--|
| Số dư đầu kỳ/năm | 1.451.601 | 1.368.701 |
| Tăng trong kỳ/năm | 1.573.052 | 6.442.718 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (3.011.123) | (6.359.818) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ/năm | 13.530 | 1.451.601 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | Phí hội viên câu lạc bộ golf VNĐ'000 | Công cụ và dụng cụ VNĐ'000 | Tổng VNĐ'000 |
|-------------------|---|---|-------------------------|
| Số dư đầu kỳ/năm | 1.936.546 | 2.560.652 | 4.497.198 |
| Tăng trong kỳ | - | 658.847 | 658.847 |
| Phân bổ trong kỳ | (28.423) | (824.763) | (853.186) |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ/năm | 1.908.123 | 2.394.736 | 4.302.859 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

10. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Tài sản cố định | 145.142 | 62.204 |
| Dự phòng | 1.221.921 | 8.099.849 |
| Lỗ tính thuế mang sang được ghi nhận | 565.747 | 565.747 |
| Khác | 408.371 | 621.141 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.341.181 | 9.348.941 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

11. Vay ngắn hạn

| | 30/6/2009 | 31/12/2008 |
|--|------------------|-------------------|
| | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| Vay ngắn hạn | 235.928.699 | 392.916.434 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15) | 8.535.175 | 18.108.972 |
| | 244.463.874 | 411.025.406 |
| | 244.463.874 | 411.025.406 |

| | Khoản tín dụng | Lãi suất vay trên năm | 30/6/2009 | 31/12/2008 |
|--|-----------------------|----------------------------------|------------------|-------------------|
| | | | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | 6.000.000 Đô la Mỹ | 4,00% | 40.496.016 | 75.583.325 |
| Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | VNĐ | 6,50% | 7.156.804 | - |
| Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội (b) | VNĐ | 10,50% | 5.358.232 | - |
| Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội (b) | 10.000.000 Đô la Mỹ | - | - | 27.257.765 |
| Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | 6.000.000 Đô la Mỹ | 4,07% | 13.223.340 | 50.266.514 |
| Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | VNĐ | 10,19% | 35.629.452 | - |
| Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | 3.000.000 Đô la Mỹ | 4,30% | 17.528.367 | 18.347.362 |
| | 1.200.000 Đô la Mỹ | | | - |
| Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | VNĐ | 10,00% | 3.479.328 | - |
| Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | VNĐ | 10,00% | 3.621.510 | - |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

| | Khoản tín dụng | Lãi suất vay trên năm | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|--|-----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c) | 2.000.000 Đô la Mỹ | - | - | 23.490.872 |
| Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | 7.000.000 Đô la Mỹ | - | - | 49.740.821 |
| Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | 5.800.000 Đô la Mỹ | 4,00% | 24.837.897 | 42.283.226 |
| Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | VNĐ | 6,00% | 3.683.256 | - |
| Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương (c) | 3.700.000 Đô la Mỹ | 3,00% | 4.474.145 | 48.899.030 |
| Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương (c) | VNĐ | 9,80% | 11.635.522 | - |
| Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | 3.000.000 Đô la Mỹ | 4,95% | 23.980.417 | 50.072.957 |
| Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Hà Nội (b) | 1.500.000 Đô la Mỹ | 4,95% | 6.964.702 | 6.974.562 |
| Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Hà Nội (b) | VNĐ | 10,50% | 8.885.677 | - |
| HSBC (b) | 2.400.000 Đô la Mỹ | 4,20% | 1.741.813 | - |
| HSBC (b) | VNĐ | 6,50% | 1.220.777 | - |
| Ngân hàng Thương mại Á Châu, Chi nhánh Hưng Yên (c) | VNĐ (5.000.000 Đô la Mỹ) | 10,50% | 22.011.444 | - |
| | | | 235.928.699 | 392.916.434 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | 8.535.175 | 18.108.972 |
| Tổng | | | 244.463.874 | 411.025.406 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh 2 khoản tín dụng mỗi khoản 3.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Chinfon, chi nhánh Hà Nội được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- c. Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Á Châu, chi nhánh Hưng Yên và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương không được bảo đảm.

12. Phải trả thương mại

Các khoản phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

| | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|---|----------------------|-----------------------|
| Phải trả Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đài Loan | 62.360.612 | 6.504.670 |

Khoản thương mại phải trả cho Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đài Loan không được bảo đảm, không chịu lãi và được trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

| | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 4.105.266 | 3.465.812 |
| Thuế nhập khẩu | - | 14.964 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 227.130 | 402.644 |
| | 4.332.396 | 3.883.420 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

14. Vay dài hạn

| | Khoản tín dụng | Lãi suất vay trên năm | 30/6/2009 VNĐ'000 | 31/12/2008 VNĐ'000 |
|--|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (a) | 2.741.880 Đô la Mỹ | 5,00% | 20.679.748 | 25.886.297 |
| Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b) | 4.600.000 Đô la Mỹ | 4,00% | 3.365.221 | 5.354.197 |
| Ngân hàng ANZ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 1.000.000 Đô la Mỹ | - | - | 4.184.502 |
| | | | 24.044.969 | 35.424.996 |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng | | | (8.535.175) | (18.108.972) |
| Hoàn trả sau 12 tháng | | | 15.509.794 | 17.316.024 |

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai được bảo đảm bằng nhà xưởng mới tại trụ sở chính của Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 56.462 triệu VNĐ (31/12/2008: 58.994 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ ngày 8 tháng 5 năm 2007.
- b. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị của chi nhánh của Công ty tại Tỉnh Hải Dương, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 28.639 triệu VNĐ (31/12/2008: 37.107 triệu VNĐ). Các máy móc và thiết bị này cũng được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này. Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ tháng 12 năm 2007.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

| | VNĐ'000 |
|---------------------------|----------------|
| Số dư đầu kỳ | 3.461.513 |
| Dự phòng sử dụng trong kỳ | (1.605.933) |
| | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 1.855.580 |
| | <hr/> <hr/> |

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 650.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2009 | | 31/12/2008 | |
|-------------------------------|------------------------------|----------------|------------------------------|----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VNĐ'000 | Số lượng cổ phiếu | VNĐ'000 |
| Vốn cổ phần được duyệt | 27.901.377 | 279.013.771 | 27.901.377 | 279.013.771 |
| Cổ phiếu đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.901.377 | 279.013.771 | 27.901.377 | 279.013.771 |
| Cổ phiếu ngân quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (9.363) | (272.840) | (9.363) | (272.840) |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.892.014 | 278.740.931 | 27.892.014 | 278.740.931 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với những cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị hoãn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 | | 1/1/2008 đến 31/12/2008 | |
|-----------------------|-------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VNĐ'000 | Số lượng cổ phiếu | VNĐ'000 |
| Số dư đầu kỳ/năm | 27.892.014 | 278.740.931 | 26.564.185 | 265.462.641 |
| Cổ phiếu đã phát hành | - | - | 1.327.829 | 13.278.290 |
| Số dư cuối kỳ/năm | 27.892.014 | 278.740.931 | 27.892.014 | 278.740.931 |

17. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|-----------------------|---|---|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán hàng | 327.699.195 | 698.210.643 |
| Các khoản giảm trừ | | |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (178.049) | (1.617.408) |
| Doanh thu thuần | 327.521.146 | 696.593.235 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|-----------------------|---|---|
| Thu lãi tiền gửi | 1.808.058 | 1.637.074 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 10.133.170 | 4.269.321 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 11.941.228 | 5.906.395 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

20. Chi phí hoạt động tài chính

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|----------------------|---|---|
| Chi phí lãi vay | 10.165.073 | 13.041.664 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 24.675.787 | 26.439.748 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 34.840.860 | 39.481.412 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|--|---|---|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện tại | - | 2.672.215 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 7.007.760 | (880.011) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.007.760 | 1.792.204 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|---|---|---|
| (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế | (2.135.557) | 37.616.535 |
| Thuế theo thuế suất Công ty | (320.333) | 5.642.480 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 183.631 | 1.279.472 |
| Ảnh hưởng của miễn thuế | (437.124) | (2.457.533) |
| Ảnh hưởng của giảm thuế | - | (2.672.215) |
| Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất | (8.783.195) | - |
| Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận | 16.364.781 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.007.760 | 1.792.204 |

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế bởi vì không chắc chắn rằng Công ty sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó để đối trừ.

Lỗ tính thuế hết hạn trong các năm sau:

| Năm hết hạn | Tình hình quyết toán thuế | Lỗ tính thuế VNĐ'000 |
|--------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| 2010 | Quyết toán | 7.543.286 |
| 2013 | Chưa quyết toán | 40.297.067 |
| 2014 | Chưa quyết toán | 109.098.540 |

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế. Trụ sở chính được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007 và 2008.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

22. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 dựa trên lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|---|---|---|
| (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm | (9.143.317) | 35.824.331 |
| Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (9.143.317) | 35.824.331 |

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|---|---|---|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ | 27.892.014 | 27.892.014 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ | 27.892.014 | 27.892.014 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2009 (tiếp theo)

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya kiểm soát Công ty. Công ty cũng có quan hệ liên quan với các giám đốc và nhân sự quản lý của Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya.

Các giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng dự phòng kinh doanh và thưởng cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
|-------------------|---|---|
| Ban Giám đốc | 548.810 | 557.202 |
| Hội đồng Quản trị | 800.350 | 969.730 |
| | 1.349.160 | 1.526.932 |

Các giao dịch với bên liên quan khác

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|---|---|
| | 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000 | 1/1/2008 đến 30/6/2008 VNĐ'000 |
| Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đài Loan Taya | | |
| Mua nguyên vật liệu | 161.070.328 | 571.312.547 |
| Mua tài sản cố định | - | 440.043 |
| Phí bản quyền | 389.482 | 755.100 |
| | 161.459.810 | 1.066.490 |

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Công ty Taya Đài Loan (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Taya. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 30/6/2009 | 30/6/2008 |
|----------------------------|------------------|------------------|
| | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| Trong vòng một năm | 2.266.480 | 2.306.170 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 9.469.905 | 9.224.681 |
| Trên năm năm | 66.249.642 | 68.100.887 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 77.986.027 | 79.631.738 |
| | <hr/> | <hr/> |

Chi phí thuê hàng năm bao gồm phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê hàng năm tối thiểu là 105.247 Đô la Mỹ bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ 5 năm.

Công ty cũng phải trả phí thuê đất cho chi nhánh của Công ty ở tỉnh Hải Dương. Phí thuê hàng năm là 5.957 Đô la Mỹ từ 8 năm sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 1/1/2009 đến | 1/1/2008 đến |
|--|---------------------|---------------------|
| | 30/6/2009 | 30/6/2008 |
| | VNĐ'000 | VNĐ'000 |
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất | 244.657.747 | 460.567.217 |
| Chi phí nhân công bao gồm trong chi phí sản xuất | 14.944.137 | 13.408.155 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 17.582.301 | 20.665.979 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.402.860 | 10.447.906 |
| Các chi phí khác | 14.179.642 | 18.987.299 |
| | <hr/> | <hr/> |

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc